

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST  
Ngày 14/5/2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Ông Nguyễn Anh Chung

2, Bà Phạm Thị Bích Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức L (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 06 tháng 7 năm 1993 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu C, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và bà Hà Thị S, sinh năm: 1969; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 37/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, xử phạt L 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. L chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/3/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**Bị hại:** Anh Bùi Tiến D, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu B, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thường xuyên chơi điện tử cùng nhau nên Nguyễn Đức L và anh Bùi Tiến D, sinh năm 2002, trú tại khu G, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là khu B, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ) có quen biết nhau từ tháng 12/2018. Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 15/01/2019, Nguyễn Đức L đi nhờ phương tiện xe mô tô của một người thanh niên trên đường (không nhớ tên, tuổi, địa chỉ) đi từ khu C, xã V, huyện T, đến quán điện tử “Phương A” có địa chỉ tại khu I, xã N, huyện T, thuộc quyền quản lý của ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967, trú tại khu A, thị trấn T, huyện T, và ngồi chơi điện tử tại đây. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, anh Bùi Tiến D một mình điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Detech 50cc, màu đen, gắn biển kiểm soát 19AH – 01889 của mình đi từ nhà ở của gia đình thuộc khu G, xã T, huyện T, đi đến quán điện tử “Phương A” để chơi điện tử. Khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, anh D đến nơi và để xe ở trong sân phía trước cửa quán sau đó đi vào phía bên trong quán. Cùng thời điểm này, L dừng chơi điện tử và từ trong quán đi ra định đi mua thẻ điện thoại thì gặp anh D tại cửa quán điện tử. Tại đây, L đứng nói chuyện cùng với anh D một lúc (L và anh D đều không nhớ nội dung cụ thể). Do lúc này L muốn đi mua thẻ điện thoại nên đã hỏi mượn xe của D và được D đồng ý đồng thời đưa chìa khoá xe cho L. Sau đó, L điều khiển chiếc xe nêu trên đi đến quán tạp hoá của ông Trần Văn L1, sinh năm 1960, trú tại khu D, xã N, huyện T, để mua thẻ điện thoại trị giá 50.000 đồng. Sau khi mua được thẻ điện thoại L đi ra vị trí đỗ xe bỏ chiếc găng tay len đang đeo định cất vào cốp xe, khi mở cốp chiếc xe của anh D thì thấy bên trong cốp chiếc xe này có 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 19AH – 01889 do Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp và 01 Chứng minh Nhân dân do Công an tỉnh P cấp đều mang tên anh Bùi Tiến D. Lúc này, thấy chiếc xe mượn của anh D có đăng ký nên L nảy sinh ý định mang bán chiếc xe này để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trên đường mang xe đi bán khi đi đến đoạn đường thuộc xã C, huyện T thì L dừng lại và mở cốp xe ra để lấy Chứng minh nhân dân của anh D ném về phía bờ sông H vì không có giá trị. Sau đó L điều khiển xe đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy tên “Tuyệt Cường” thuộc khu T, phường T, thị xã P của anh Chu Hùng C, sinh năm 1983, trú tại khu T, phường T, thị xã P, thì L vào quán hỏi anh C để bán chiếc xe máy nêu trên, tuy nhiên do xe không đăng ký chính tên chính chủ nên anh C không mua. L tiếp tục điều khiển xe đi đến hiệu cầm đồ tên “Kim Tuyết” có địa chỉ tại A đường N, phường N, thị xã S, thành phố Hà Nội do chị Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1973, trú tại số A,

đường N, phường N, thị xã S, thành phố Hà Nội làm chủ. Tại đây L gặp một người phụ nữ, khoảng hơn 40 tuổi, cao khoảng 1m56, dáng người trung bình, tóc buộc phía sau, màu đen đi ra (Không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) và đặt vấn đề muốn bán chiếc xe cho người này. L và người phụ nữ này thỏa thuận mua bán chiếc xe với số tiền 5.500.000 đồng. Sau đó, người phụ nữ này đưa 5.500.000 đồng tiền mặt cho L. Lúc này, anh D không thấy L đến trả lại chiếc xe đã mượn nên có sử dụng số điện thoại của anh D gọi đến số của anh L (đến nay anh D không nhớ số điện thoại) để đòi lại xe. Tuy nhiên L không nghe máy mà vứt bỏ chiếc sim mình đang sử dụng đi để trốn tránh không cho anh D gọi điện đòi chiếc xe trên. Sau đó L đi đến thành phố Hà Nội làm thuê không ở chỗ nào cố định và sử dụng toàn bộ số tiền nêu trên vào tiêu xài cá nhân hết. Thời gian sau đó, L không liên lạc hay có ý định gọi điện để trả chiếc xe trên cho anh D. Ngày 17/01/2019, anh D đã làm đơn trình báo nội dung vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T, sau khi tiếp nhận đơn của anh D Cơ quan CSĐT Công an huyện T, đã tiến hành thụ lý tin báo và tiến hành xác minh tuy nhiên do Nguyễn Đức L không có mặt tại địa phương vì vậy không thể tiến hành làm việc với L để có căn cứ giải quyết vụ việc, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tạm đình chỉ giải quyết vụ việc nêu trên. Ngày 24/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T, đã làm việc được với L, đến ngày 27/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện T, đã ra quyết định phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm. Quá trình phục hồi xác minh vụ việc Nguyễn Đức L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về nguồn gốc của chiếc xe nhãn hiệu WAVE DETECH, BKS 19AH - 01889, là do ông Bùi Văn T2 – SN 1955, trú tại khu G, xã T, huyện T (nay là khu B, xã Q, huyện T) là ông ngoại của Bùi Tiến D đã mua cho D vào tháng 9/2017 tại cửa hàng X với giá 11.500.000đ để làm phương tiện đi lại, đăng ký xe đứng tên Bùi Tiến D.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T, đã đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Phú Thọ định giá đối với 01 chiếc xe mô tô, có kiểu dáng xe DETECH, màu đen – bạc, số khung VDEJQ139FMB3405516, số máy RPEVCB4PEHA405516, gắn biển kiểm soát 19AH – 01889. Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 09 ngày 20/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: “Kết quả định giá tổng trị giá tài sản định giá là 7.000.000 đồng”.

Quá trình điều tra vụ án, chủ cửa hiệu cầm đồ “Kim T1” là chị Nguyễn Thị Kim T1 trình bày như sau: Vào ngày 15/01/2019, chị Nguyễn Thị Kim T1 không mua bán trao đổi với bất cứ ai chiếc xe nhãn hiệu Wave Detech, màu đen - bạc, gắn biển kiểm soát 19AH – 018.89 và cũng không biết ai tên Nguyễn Đức L, sinh năm 1993, trú tại khu C, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ ra Thông báo về việc truy tìm vật chứng để truy tìm đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Detech, màu đen – bạc, gắn biển kiểm soát 19AH – 018.89. Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa tìm được chiếc xe nêu trên.

*Về dân sự:* Nguyễn Đức L đã bồi thường cho anh Bùi Tiến D số tiền 7.000.000 đồng, anh D đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu Nguyễn Đức L phải đền bù thêm bất cứ khoản tiền gì khác; đối với giấy chứng minh nhân dân của anh D đã bị L vứt đi, thời gian sau anh D đã đi làm thẻ căn cước công dân, do vậy anh D không có yêu cầu, đề nghị gì.

*Về các vật chứng của vụ án:* Không.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSTB ngày 31 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Đức L từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Về dân sự: Xác nhận việc Nguyễn Đức L đã tự nguyện bồi thường cho anh Bùi Tiến D số tiền 7.000.000 đồng là hợp pháp.

- Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều nhất trí và không

ai có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án và các tài liệu khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 15/01/2019, tại khu I, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Đức L đã có hành vi mượn 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Detech, màu đen – bạc, gắn biển kiểm soát 19AH – 01889 của anh Bùi Tiến D để đi mua thẻ điện thoại. Sau đó, do cần tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo L đã bán chiếc xe máy cho một người phụ nữ (không quen biết) với số tiền 5.500.000 đồng và bỏ trốn với mục đích trốn tránh không trả lại xe cho anh D.

Do bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản sau thời điểm mượn được xe của bị hại là anh D, khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn lợi dụng việc bạn bè cho mượn tài sản, chiếm đoạt tài sản cho bản thân. Giá trị tài sản bị cáo L chiếm đoạt là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, bị cáo nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật nên bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định như sau:

*“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm*

*đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; ...”*

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm vào quyền sở hữu của công dân, làm mất ổn định an ninh trật tự địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt nghiêm khắc có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 37/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, xử phạt Nguyễn Đức L 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Nguyễn Đức L chấp hành xong hình phạt vào ngày 07/3/2018, tại thời điểm L thực hiện hành vi phạm tội (ngày 15/01/2019) L chưa được xóa án tích, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015. Bị cáo L đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 7.000.000 đồng bị hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4.3] Xét thấy bị cáo đã từng bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, lại tiếp tục thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo và coi thường pháp luật.

Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo L từ 09 tháng đến 12 tháng tù là phù hợp.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Xác nhận bị hại là anh Bùi Tiến D đã nhận đủ số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo bồi thường, anh D không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự liên

quan đến chiếc xe máy và thẻ căn cước công dân do bị cáo vứt đi. Vì vậy, không giải quyết trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và anh D là phù hợp.

[7] Án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức L.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THAHS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Lan Anh**

